

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2024
V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Huệ.
2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn M; sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số 015064xxxxxx, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/7/2022; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh La Văn B; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số 002090 xxxxxx, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 02/7/2021; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là ông Hoàng Văn M trình bày:

Đầu tháng 7 năm 2021, anh La Văn B hành nghề san lấp mặt bằng có đến gặp ông M tại Cửa hàng xăng dầu V đặt vấn đề bơm dầu nợ. Ông M và anh B bàn bạc và thống nhất (bằng lời nói); ngay sau đó, anh B đã thực hiện việc bơm dầu nợ. Đến hết năm 2021, anh B còn nợ số tiền dầu là 28.279.000 đồng. Đến tháng 01 năm 2022, ông M yêu cầu anh B phải thanh toán hết số tiền còn nợ của năm 2021 thì mới được bơm dầu tiếp; nhưng anh B không thanh toán được số tiền nợ trên. Ông M đã thông báo cho anh B là không bán dầu cho nợ nữa và nhiều lần yêu cầu anh B trả nợ nhưng anh B không trả. Đến khoảng tháng 9 năm 2022, ông M xuống nhà anh B yêu cầu anh B cộng sổ, khớp số liệu. Anh B có hẹn ông M đến 15/10/2022 sẽ trả nhưng không thấy trả tiền như đã hẹn. Ông M nhiều lần liên lạc với anh B nhưng không được nên cho rằng anh B có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến tháng 02 năm 2023, ông M có đơn gửi Công an xã V thì đến ngày 13/02/2023 anh B có đến cửa hàng xăng dầu gặp ông M và viết bản cam kết với nội dung đến hết tháng 3 năm 2023 trả 20.000.000 đồng và đến hết tháng 4 năm 2023 trả nốt số tiền 8.279.000 đồng còn lại (ông M đã nộp cho Tòa án bản cam kết nói trên). Tuy nhiên, anh B không thực hiện được việc trả nợ như đã cam kết. Nên ông M khởi kiện yêu cầu anh B phải trả cho ông M 31.672.000 đồng, gồm 28.279.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ 15/10/2022 đến 15/10/2023 là $28.279.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 12 \text{ tháng} = 3.393.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, sau đó ông M thay đổi yêu cầu về lãi, lãi suất là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn là anh La Văn B, đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên anh B không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án cũng như không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hoàng Văn M yêu cầu anh La Văn B có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang phải trả số tiền nợ mua dầu của ông M và tiền lãi của số nợ trên. Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh La Văn B không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản nào trình bày ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M.

[4] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do ông M cung cấp cho Tòa án, có đủ căn cứ khẳng định vào tháng 7 năm 2021, giữa ông M và anh B đã phát sinh hợp đồng mua bán tài sản (dầu), quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự, trong đó ông M là bên bán, còn anh B là bên mua. Đến hết năm 2021, anh B còn nợ ông M số tiền mua dầu là 28.279.000 đồng nhưng không trả dù ông M nhiều lần đòi.

[5] Ông M khởi kiện yêu cầu anh B phải trả cho ông M 31.672.000 đồng, gồm 28.279.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ 15/10/2022 đến 15/10/2023 là 3.393.000 đồng, với lãi suất 1%/tháng. Tuy nhiên, sau đó ông M thay đổi yêu cầu về lãi, lãi suất là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại các điều 5, 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thay đổi yêu cầu của ông M là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận. Căn cứ các điều 357, 430 và 440 của Bộ luật Dân sự thì anh B có nghĩa vụ trả số tiền nợ mua dầu là 28.279.000 đồng cho ông M và phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[6] Về thời gian chậm trả: Theo trình bày của ông M thì khoảng tháng 9 năm 2022, anh B có hẹn ông M đến 15/10/2022 sẽ trả tiền nợ nhưng sau đó không trả đúng hẹn; ngày 13/02/2023 anh B có viết bản cam kết với nội dung đến hết tháng 3 năm 2023 trả 20.000.000 đồng và đến hết tháng 4 năm 2023 trả nốt số tiền 8.279.000 đồng còn lại cho ông M; tuy nhiên, anh B không thực hiện được việc trả nợ như đã cam kết. Do ông M đã nhận bản cam kết ngày 13/02/2023 của anh B nên có nghĩa là ông M đã chấp nhận thời hạn trả nợ mà anh B nêu trong cam kết. Vì vậy, thời gian chậm trả đối với số tiền 20.000.000 đồng được tính từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử là 12 tháng 12 ngày và thời gian chậm trả đối với số tiền 8.279.000 đồng được tính từ ngày 01/5/2023 đến ngày xét xử là 11 tháng 12 ngày.

[7] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Giữa ông M và anh B không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền; bản cam kết của anh B cũng không đề cập đến vấn đề này nên theo quy định tại các điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền là 10%/năm tại thời điểm trả nợ.

[8] Số tiền lãi được tính bằng số tiền gốc x lãi suất phát sinh do chậm trả tiền x thời gian chậm trả. Do đó, tính đến ngày xét xử, anh B phải trả tiền lãi do chậm trả 20.000.000 đồng là 2.067.000 đồng và phải trả tiền lãi do chậm trả 8.279.000 đồng là 787.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi anh B phải trả cho ông M là 2.854.000 đồng.

[9] Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông M, buộc anh B phải trả cho ông M số tiền là 31.133.000 đồng, gồm số tiền nợ mua dầu là 28.279.000 đồng và số tiền lãi do chậm trả là 2.854.000 đồng.

[10] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được thực hiện theo quy định tại các điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 13 của Nghị

quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[11] Về án phí: Do yêu cầu của ông M được Tòa án chấp nhận nên anh B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[12] Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 70, 71, 144, 147, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 6 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn M, buộc anh La Văn B trả cho ông Hoàng Văn M số tiền là 31.133.000 đồng (ba mươi một triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng), gồm số tiền nợ mua dầu là 28.279.000 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và số tiền lãi do chậm trả là 2.854.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Anh La Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.557.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

- Ông Hoàng Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 792.000 đồng (bảy trăm chín mươi hai nghìn

đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004182 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang;
- CCTHADS huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mai Hồng